

Số 06/QĐ-CTĐBH

Biên Hòa, ngày 16 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa

BAN THƯỜNG VỤ HỘI CHỮ THẬP ĐỎ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho Hội Chữ thập đỏ TP Biên Hòa của UBND thành phố Biên Hòa số 102/QĐ-UBND ngày 15/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho Hội Chữ thập đỏ TP Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ cơ quan Hội Chữ thập đỏ TP Biên Hòa thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND TP Biên Hòa
- Phòng TCKH TP
- Lưu: VT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tuấn



BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2024

Hôm nay lúc 08h00 ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Văn phòng Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc niêm yết công khai về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa.

Thành phần tham dự:

- | | |
|-------------------------|-----------------------------------|
| 1 - Ông Nguyễn Hữu Tuân | : Chủ tịch Hội |
| 2 - Bà Đặng Thị Phương | : Phó Chủ tịch Hội, Chủ tịch CĐCS |
| 3 - Bà Đặng Ngọc Tuyền | : Kế toán |
| 4 - Ông Trần Xuân Kính | : Thủ quỹ |
- + Chủ trì cuộc họp: Ông Nguyễn Hữu Tuân
+ Thư ký biên bản: Bà Đặng Ngọc Tuyền

Nội dung:

1. Công khai về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa.

2. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc niêm yết công khai về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

Địa điểm niêm yết: Văn phòng Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa

Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 16/01/2025

Hồ sơ niêm yết: Quyết định về việc kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ của UBND thành phố Biên Hòa số 102/QĐ-UBND ngày 15/01/2025.

* Mọi thông tin, phản ánh liên quan đến nội dung Bản công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ (nếu có) xin liên hệ gặp Bà Đặng Ngọc Tuyền, kế toán.

* Giao trách nhiệm cho ông Trần Xuân Kính, phụ trách văn phòng theo dõi, bảo quản hồ sơ niêm yết.

Biên bản được lập xong lúc 9h00 cùng ngày. Biên bản đã được thông qua cuộc họp và được mọi người nhất trí 100%.

Thư ký

Đặng Ngọc Tuyền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Hữu Tuân

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính

Đơn vị: Hội Chữ thập đỏ Thành phố Biên Hòa
Chương: 717

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ-CTĐBH ngày 16/01/2025 của Hội CTĐ TP Biên Hòa)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18
I	Nguồn ngân sách trong nước	18
1	Chi quản lý hành chính	18
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18
1.2.1	- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ	18
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	



Biên Hòa, ngày 16 tháng 01 năm 2025

Người lập

[Handwritten signature]

Đặng Ngọc Tuyên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Hữu Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024
theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ
trên địa bàn thành phố Biên Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy
định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức
và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính về việc hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện
mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày
30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã
nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của UBND tỉnh Đồng
Nai về việc phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024
theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ trên
địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-STC ngày 10/01/2025 của Sở Tài chính về việc
phân bổ dự toán ngân sách địa phương thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024
theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ trên
địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 8935/STC-NSNN ngày 30/12/2024 của Sở Tài chính tỉnh
Đồng Nai về việc Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày
30/6/2024 của Chính phủ;

Theo Công văn số 561/UBND-KTNS ngày 10/01/2025 của UBND thành phố
Biên Hòa về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng 06 tháng cuối
năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của
Chính phủ;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 05/TTr-TCKH ngày 13/01/2025 về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng 06 tháng cuối năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, với tổng số tiền **36.296.000.000 đồng** (Ba mươi sáu tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn) từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của ngân sách tỉnh bổ sung cho thành phố Biên Hòa năm 2024 (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao trách nhiệm các cơ quan, đơn vị:

1. Thực hiện chi trả chế độ tiền thưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công văn số 8935/STC-NSNN ngày 30/12/2024 của Sở Tài chính, các văn bản hướng dẫn liên quan và Quy chế tiền thưởng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng quy định hiện hành.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện việc chi chế độ tiền thưởng chịu trách nhiệm trong công tác xem xét, phê duyệt ban hành Quy chế tiền thưởng theo đúng quy trình, thủ tục và không vi phạm các hành vi nghiêm cấm theo Luật thi đua khen thưởng. Trường hợp khó khăn vướng mắc, cơ quan, đơn vị liên hệ Phòng Nội vụ để được hướng dẫn cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện phân bổ và cấp bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

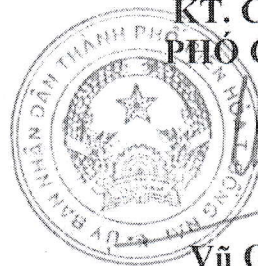
Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tại Điều 1, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT. Thành ủy BH;
- TT. HĐND TP.BH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP. HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Quốc Thái

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025
2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

BỘ SƯNG DỤ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: HỘI CHỮ THẬP ĐỎ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã số: 1063834

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.000.000
1	Chi quản lý hành chính:	18.000.000
1.1	Kinh phí không thực hiện tự chủ	18.000.000
1.1.1	Thanh toán cá nhân	0
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	0
1.1.3	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	18.000.000